



DOI:10.22144/ctu.jos.2023.210

XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU QUYỀN TÁC GIẢ VÀ VIỆC XIN PHÉP SỬ DỤNG ĐỐI VỚI TÁC PHẨM ĐƯỢC TẠO RA BỞI SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Nguyễn Phan Khôi* và Trần Thị Cẩm Nhung

Khoa Luật, Đại học Cần Thơ

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): npkhai@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 26/05/2023

Sửa bài (Revised): 23/06/2023

Duyệt đăng (Accepted): 30/06/2023

Title: Identification of copyright owners and application for use of works created by university students

Author(s): Nguyen Phan Khoi* and Tran Thi Cam Nhung

Affiliation(s): Can Tho University

TÓM TẮT

Việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng trong các trường đại học là một vấn đề khá phức tạp bởi có liên quan đến việc xác định các chủ thể quyền và nội dung quyền được nắm giữ bởi các chủ thể đó. Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022 về một số vấn đề liên quan đến việc xác định tư cách là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm do sinh viên tạo ra trong các trường đại học. Bên cạnh đó, dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, nghiên cứu còn tìm hiểu các quyền được nắm giữ trong từng trường hợp cụ thể, các tư cách được nắm giữ liên quan đến việc sáng tạo tác phẩm và phân tích việc xin phép, sử dụng quyền tác giả trong một số trường hợp đặc biệt.

Từ khóa: Chủ sở hữu quyền tác giả, giấy phép sử dụng, tác phẩm do sinh viên tạo ra, trường đại học

ABSTRACT

The exploitation of intellectual property rights in general and copyright in particular in universities is rather complicated as it involves the identification of rights holders and the content of their rights. This article aims to analyze the provisions of the Intellectual Property Law of 2005, amended and supplemented in 2009, 2019 and 2022 on certain issues related to the status of author and copyright holder of works created by students in universities. In addition, based on the provisions of the law in force, this study also points out the rights held in each particular circumstance, the particular status linked to the creation of the works and the analysis of the procedure for requesting authorization to use the works in specific cases.

Keywords: Copyright holders, copyright license, student-created works, universities

1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VẤN ĐỀ QUYỀN TÁC GIẢ CỦA TÁC PHẨM DO SINH VIÊN TẠO RA TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trong quá trình theo học tại trường đại học, một sinh viên có thể tạo ra một hoặc nhiều tác phẩm. Vấn đề đặt ra là sau khi các tác phẩm đó được sáng tạo thì quyền tác giả liên quan đến chúng sẽ được xác định cho chủ thể nào? Liên quan đến vấn đề này, việc phân tích các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022, sau đây gọi tắt là Luật SHTT) cho thấy rằng đối với tác phẩm được tạo ra bởi sinh viên trong các trường đại học, quyền tác giả có thể được xác định với các tư cách khác nhau cho bản thân sinh viên có tác phẩm và nhà trường. Tương ứng với mỗi trường hợp, các tư cách như “tác giả” và “chủ sở hữu quyền tác giả” sẽ được hưởng các quyền khác nhau. Nghiên cứu này chỉ ra rằng các quy định của pháp luật hiện hành tuy không có hướng dẫn cụ thể nhưng chúng ta hoàn toàn có thể vận dụng, giải thích các quy định đó nhằm làm rõ các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm do sinh viên tạo ra trong các trường đại học. Các vấn đề đó bao gồm: xác định tư cách của tổ chức, cá nhân liên quan đến tác phẩm, xác định nội dung quyền tương ứng với các tư cách đó và xác định các nguyên tắc, cách thức xin phép khi nhà trường muốn khai thác, sử dụng tác phẩm do sinh viên của trường tạo ra.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ THỂ QUYỀN TÁC GIẢ CỦA TÁC PHẨM DO SINH VIÊN TẠO RA TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trường đại học là một trong các cơ sở giáo dục đào tạo, do đó việc học tập, nghiên cứu là hoạt động chủ yếu của sinh viên. Về cơ bản, trong quá trình học tập và nghiên cứu tại nhà trường, sinh viên có thể tạo ra các loại hình tác phẩm như: luận án, luận văn, tiêu luận, bài báo cáo, hoặc các tác phẩm viết trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, bài báo khoa học. Ngoài ra, tại một số trường đại học có đào tạo về ngành nghề đặc thù hay ngành nghề năng khiếu, sinh viên còn tạo ra các loại hình tác phẩm khác như tác phẩm âm nhạc, tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm báo chí, chương trình máy tính,... Trong các nội dung ở phần sau, tư cách của sinh viên đối với các tác phẩm do họ tạo ra trong quá trình học tại trường đại học và nội dung của các quyền mà họ sở hữu sẽ được

phân tích dựa trên quy định của Luật SHTT hiện hành.

2.1. Quy định chung của Luật Sở hữu trí tuệ

Về các tư cách liên quan đến quyền tác giả đối với một tác phẩm, Luật SHTT quy định có hai dạng: tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả (Khoản 1 Điều 13 Luật SHTT).

Liên quan đến vai trò “tác giả” của tác phẩm, Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT quy định rằng tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm. Về mặt lý luận, tác giả thông qua tác phẩm để thể hiện “dấu ấn cá nhân” của mình trong tác phẩm đó nên sẽ có các quyền nhân thân liên quan đến tác phẩm (Luận, 2019).

Đối với vai trò là “chủ sở hữu quyền tác giả”, Luật SHTT xác định: “Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản (như được quy định tại Khoản 1 Điều 20) và quyền công bố tác phẩm (như được quy định tại Khoản 3 Điều 19).

Như vậy, về mặt pháp lý, luật pháp có sự phân định rõ các vai trò trên. Khi xem xét một tác phẩm cụ thể, hai vai trò trên có thể đồng thời hoặc không đồng thời xuất hiện trên một chủ thể. Chúng ta có thể phân định 03 trường hợp sau:

– Nếu một người là “tác giả” sáng tạo ra một tác phẩm nhưng không giữ vai trò “chủ sở hữu quyền tác giả” đối với tác phẩm được tạo ra thì chỉ nắm giữ các quyền nhân thân, bao gồm: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm và quyền được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc, không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả (Khoản 1, 2, 4 Điều 19 Luật SHTT). Ngoài ra, tác giả còn nắm giữ quyền công bố tác phẩm (Khoản 3 Điều 19 Luật SHTT), tuy nhiên, pháp luật hiện hành cho phép tác giả có thể chuyển nhượng quyền này cho người khác dẫn tới khả năng dù đây là một quyền nhân thân, nhưng người nắm giữ có thể không phải là tác giả. Đối với trường hợp “tác giả” sáng tạo ra một tác phẩm nhưng không giữ vai trò “chủ sở hữu quyền tác giả”, chúng ta quy ước gọi đây là “Trường hợp 1”.

– Nếu một người là “chủ sở hữu quyền tác giả” nhưng không phải là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm (tức “tác giả”) thì có thể nắm giữ quyền công bố (hoặc cho phép người khác công bố) tác phẩm (Khoản 3 Điều 19 Luật SHTT) và một, một số hoặc

toàn bộ các quyền mang tính chất tài sản của quyền tác giả như: quyền làm tác phẩm phái sinh; quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng; quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm; quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình; quyền phát sóng, truyền đạt tác phẩm đến công chúng; quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm (chỉ áp dụng đối với tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính) (Khoản 1 Điều 20 Luật SHTT). Trong bài viết này, chúng ta quy ước gọi đây là “Trường hợp 2”.

– Nếu một người đồng thời là “tác giả” sáng tạo ra tác phẩm đồng thời giữ luôn vai trò “chủ sở hữu quyền tác giả” thì sẽ nắm giữ các quyền nhân thân (Điều 19 Luật SHTT) và quyền tài sản (Khoản 1 Điều 20 Luật SHTT). Trong bài viết này, chúng ta quy ước gọi đây là “Trường hợp 3”.

Áp dụng các diễn giải trên vào thực tế, quyền tác giả của tác phẩm do sinh viên của một trường đại học tạo ra có thể thuộc về chính sinh viên đó, hoặc trường đại học nơi sinh viên đó theo học, hoặc thuộc về cả hai chủ thể này, hoặc trong một số trường hợp đặc biệt, thuộc về bên thứ ba ngoài trường. Trong nghiên cứu này, “sinh viên trong các trường đại học” được hiểu là sinh viên đang theo học một chuyên ngành do một trường đại học đào tạo, với tư cách được xác định trong khoảng thời gian từ khi sinh viên đó bắt đầu học cho đến trước khi hoàn thành các thủ tục tốt nghiệp hoặc ngừng học tại trường.

2.2. Xác định tư cách và nội dung quyền tác giả của tác phẩm do sinh viên tạo ra trong một số trường hợp do luật thiết lập mặc định

2.2.1. Sinh viên tự tạo ra tác phẩm bằng sự đầu tư cá nhân, không thuộc phạm vi nhiệm vụ học tập

Trong trường hợp này, ví dụ điển hình là khi một sinh viên tự mình tạo ra một tác phẩm, như sáng tác một bài thơ, viết một bài báo khoa học trong quá trình học tập tại trường, và hoạt động sáng tạo này không thuộc phạm vi của một môn học nào trong chương trình học của người đó, hoặc chỉ được khuyến khích trong quá trình học để có thể được đánh giá cao hơn trong các kì thi.

Cụ thể hơn, Điều 37 Luật SHTT quy định rằng nếu tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm thì sẽ có đầy đủ các quyền nhân thân và tài sản (như được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này). Như vậy, khi sinh viên tự mình sử dụng thời gian,

công sức và chi phí để tạo ra tác phẩm, người đó sẽ nắm giữ trọn vẹn quyền tác giả liên quan đến tác phẩm do mình tạo ra, tương ứng với “Trường hợp 3” như đã phân tích ở phần trước.

Cần lưu ý rằng nếu sinh viên có thỏa thuận khác với trường đại học hoặc bên thứ ba bất kỳ, thì tư cách nắm giữ các quyền sẽ thay đổi tùy thuộc vào nội dung của các thỏa thuận đó. Ví dụ: sinh viên cùng với một giảng viên của trường cùng hợp tác viết một bài báo khoa học và được đăng trên một tạp chí khoa học. Như vậy, quyền tác giả đối với bài báo đó có thể được xác định cho cả hai người với tư cách đồng tác giả.

2.2.2. Sinh viên tạo ra tác phẩm theo nhiệm vụ học tập

Trong trường hợp này, ví dụ điển hình là khi một sinh viên tạo ra một tác phẩm nhưng đó là một phần nhiệm vụ trong quá trình học tập mà sinh viên phải thực hiện trong khi học: một bài luận cuối môn học, một luận văn hoặc đồ án tốt nghiệp. Lúc này, vấn đề quyền tác giả được đặt ra đặc biệt gay gắt (Rooksby, 2016).

Theo quy định của Luật SHTT hiện hành, giải pháp được thiết lập mặc định khá đơn giản, đó là chủ sở hữu quyền tác giả sẽ thuộc về trường đại học, trong khi sinh viên vẫn giữ tư cách “tác giả” của tác phẩm mình tạo ra. Căn cứ pháp lý cho việc xác định này là Khoản 1 Điều 39 Luật SHTT, theo đó, trong trường hợp tổ chức giao nhiệm vụ sáng tạo tác phẩm cho tác giả là người thuộc tổ chức mình, thì khi tác phẩm được tạo ra, tổ chức đó là chủ sở hữu các quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Áp dụng quy định này, trường đại học sẽ là bên “giao nhiệm vụ sáng tạo tác phẩm” cho “người thuộc tổ chức mình” – tức sinh viên, và khi tác phẩm được tạo ra, quyền tác giả thuộc về trường đại học.

Điều luật không nói rõ trong trường hợp này thì tư cách “tác giả” được xác định thuộc về ai, tuy nhiên, khi xem xét kết hợp với Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT thì người trực tiếp tạo ra tác phẩm, ví dụ: sinh viên thực hiện bài luận, đồ án, luận văn tốt nghiệp, sẽ là “tác giả” đối với các bài luận, đồ án, luận văn tốt nghiệp do mình tạo ra.

Qua các phân tích trên chúng ta có thể kết luận rằng khi sinh viên tạo ra tác phẩm theo nhiệm vụ học tập tại một trường ĐH thì trường ĐH đó sẽ là “chủ sở hữu quyền tác giả”, nắm giữ quyền công bố tác phẩm và các quyền tài sản khác, tương ứng với “Trường hợp 2”. Còn sinh viên là “tác giả” của tác phẩm do mình tạo ra, tuy nhiên, họ chỉ nắm giữ một

số quyền nhân thân, tương ứng với “Trường hợp 1”. Nguyên tắc này cũng có thể được áp dụng trong trường hợp tác phẩm là các học liệu do giảng viên tạo ra theo yêu cầu của nhà trường (Hà, 2018).

Tuy vậy, việc xác định các tư cách như trên chỉ là “mặc định” của luật, nghĩa là nó chỉ đúng khi không có thỏa thuận nào khác giữa các bên có liên quan. Điều này nghĩa là nếu sinh viên có thỏa thuận khác với Trường hoặc bên thứ ba bất kỳ, thì tư cách nắm giữ các quyền sẽ thay đổi tùy thuộc vào nội dung của các thỏa thuận đó. Ví dụ: Sinh viên và trường đại học có thể thỏa thuận về việc sử dụng các luận văn tốt nghiệp do sinh viên tạo ra, theo đó, sinh viên luôn giữ tư cách tác giả đồng thời là chủ sở hữu, còn trường đại học sẽ có một “giấy phép” mặc định để khai thác, sử dụng các tác phẩm đó trong phạm vi nội bộ, để phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập mà không được thương mại hóa chúng hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

Ở một góc độ khác, để tránh xảy ra những tranh chấp không đáng có giữa trường và sinh viên, việc xác định “làm luận án tốt nghiệp” chính là “giao nhiệm vụ sáng tạo” cần phải được thể hiện rõ trong một văn bản của trường, như quy chế nội bộ về quyền tác giả của trường. Điều này có thể giúp trường tránh khỏi các cáo buộc về việc “đơn phương” coi sản phẩm của sinh viên là tài sản của trường (Hương, 2021). Ví dụ, các trường có thể quy định rằng nếu tác phẩm được sinh viên tạo ra “với sự sử dụng nguồn lực của nhà trường” hoặc “được trường tài trợ” hoặc “được trường giao nhiệm vụ”,... thì tác phẩm được tạo ra sẽ thuộc quyền sở hữu của trường hoặc ít nhất, trường được quyền khai thác tác phẩm đó một cách miễn phí kể cả sau khi sinh viên tốt nghiệp, miễn là việc sử dụng là phi thương mại (Rooksby, 2016). Ở Việt Nam, các trường đại học có quan điểm khác nhau trong việc phân định tư cách quyền sở hữu. Có trường quy định rằng “Tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc các hệ đào tạo của nhà trường bao gồm: công trình nghiên cứu khoa học, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài báo khoa học,... thuộc quyền sở hữu của người học”, tuy nhiên, “Trường có quyền khai thác các công trình nhằm mục đích phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học” (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2020). Trong khi trường khác lại quy định mình có tư cách chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra bởi người học theo nhiệm vụ được giao, trừ khi có thỏa thuận khác (Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2019).

2.3. Một số vấn đề liên quan đến các tư cách đặc biệt

2.3.1. Tư cách “đồng tác giả”

Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT xác định: “Trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả”. Luật cũng xác định rõ: “những người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không được thừa nhận tư cách là tác giả hay đồng tác giả”.

Như vậy, nếu có trường hợp 02 sinh viên (hoặc nhiều hơn) cùng thực hiện một luận văn tốt nghiệp, các sinh viên đó sẽ là các “đồng tác giả” đối với luận văn do họ được thực hiện.

Đối với giảng viên hướng dẫn, mặc dù người này có thể được nêu tên trên đề tài luận văn hay công trình khác của sinh viên, nhưng dưới góc độ pháp luật, họ được xem là những người “hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm” nên không được xem là tác giả hay đồng tác giả. Nguyên tắc này được áp dụng bất kể sự góp ý, hỗ trợ đó góp phần bao nhiêu và quan trọng như thế nào vào việc hoàn thành tác phẩm. Nói cách khác, dưới góc độ pháp luật về bản quyền, giảng viên hướng dẫn không có quyền tác giả đối với luận văn do sinh viên được mình hướng dẫn thực hiện mặc dù dưới góc độ khoa học, giảng viên hướng dẫn có thể là người liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính khoa học của luận văn đó.

2.3.2. Tư cách “đồng chủ sở hữu”

Khi nhìn nhận “quyền tác giả” là một tài sản vô hình, tài sản đó phải có chủ sở hữu. Nếu có nhiều người cùng sở hữu quyền tác giả đối với một tác phẩm nào đó, họ sẽ được xem là các “đồng chủ sở hữu”.

Luật SHTT đề cập đến trường hợp này như sau (Điều 38 Luật SHTT):

“1. Các đồng tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để cùng sáng tạo ra tác phẩm có chung các quyền quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này [tức là các quyền nhân thân và quyền tài sản của quyền tác giả] đối với tác phẩm đó.

2. Các đồng tác giả sáng tạo ra tác phẩm quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác thì có các quyền quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này [tức

là các quyền nhân thân và quyền tài sản của quyền tác giả] đối với phần riêng biệt đó.”

Ví dụ, khi có 02 sinh viên cùng hợp tác viết một bài báo khoa học, bài báo này không thuộc phạm vi yêu cầu hoặc nhiệm vụ phải làm trong bất kỳ môn học nào. Như vậy, nếu không có thỏa thuận gì khác, 02 sinh viên đó là các đồng tác giả và cũng là “đồng chủ sở hữu” quyền tác giả đối với tác phẩm của họ. Trong trường hợp khác, tư cách đồng chủ sở hữu có thể được chia sẻ bởi người học và nhà trường. Ví dụ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh quy định rằng Trường sẽ là đồng chủ sở hữu với người học đối với tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình thực hiện các công trình nghiên cứu có sử dụng nguồn lực của Trường và nguồn lực của cá nhân người học đó (điểm a Khoản 1 Điều 8 Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong Khoản 2 Điều 38 Luật SHTT nêu trên, Luật đưa ra khả năng một đồng tác giả có thể tự mình khai thác đối với các phần sáng tạo riêng biệt do mình tạo ra mà có thể “tách ra sử dụng độc lập”, miễn là không là ảnh hưởng tiêu cực đến phần của những người khác. Ví dụ, giảng viên và một nhóm sinh viên thỏa thuận cùng viết một tài liệu tham khảo, trong đó, mỗi người phụ trách một chương/bài khác nhau trong tài liệu đó. Nếu một người trong số đó lấy phần của mình và sử dụng cho mục đích khác, như giảng viên đưa chương/bài mình viết vào một giáo trình khác, sinh viên lấy chương/bài mình viết đưa vào thành một phần luận văn tốt nghiệp của mình, thì không cần được sự đồng ý của những đồng tác giả/đồng chủ sở hữu khác đối với tài liệu tham khảo ban đầu. Cần lưu ý là đồng chủ sở hữu quyền tác giả có thể tuyên bố bằng văn bản về việc từ bỏ quyền của mình, khi đó, quyền của người đó được tự động chuyển giao cho các đồng chủ sở hữu quyền tác giả khác (Khoản 4 Điều 16 Nghị định 17/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 4 năm 2023 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan).

Xuất phát từ quy định của Khoản 2 Điều 38 Luật SHTT, chúng ta có thể suy ra một số khả năng sau:

- Nếu các phần được sáng tạo là đan xen nhau hoặc phần này là hệ quả, là tổng hợp của các phần khác... dẫn đến chúng không thể được sử dụng độc lập hoặc nếu được sử dụng độc lập có thể ảnh hưởng đến việc khai thác các phần khác thì các đồng tác giả không thể “độc lập khai thác” các phần do mình tạo ra;

- Nếu các phần được sáng tạo đều có khả năng được khai thác, sử dụng độc lập, nhưng ngay từ đầu các đồng tác giả đã có thỏa thuận cấm, như vậy, thỏa thuận này phải được tôn trọng. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chung về “tự do thỏa thuận” được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3.3. Tư cách “chủ biên”

Trên thực tế, có trường hợp đồng tác giả giữ vai trò quan trọng hơn các đồng tác giả khác trong một tác phẩm, thường thì tên người này sẽ được đề trước những người khác và có khi được ghi chú thêm là “chủ biên”. Ví dụ, trong một tài liệu học tập được soạn bởi 03 người, trong đó có giảng viên Nguyễn Văn A và 02 giảng viên khác gồm Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị C, trên trang bìa tài liệu ghi tên tác giả như sau: “Nguyễn Văn A (chủ biên), Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C”.

Quy định về tư cách “chủ biên” được ghi nhận lần đầu tiên trong Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả năm 1994 (Điều 12), theo đó, với vai trò “chủ biên”, đồng tác giả có quyền “Được bảo hộ sự toàn vẹn tác phẩm”, cho hoặc không cho người khác sửa đổi tác phẩm”, quyền “Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm” và quyền “Cho hoặc không cho người khác sử dụng tài sản của mình và được hưởng lợi ích vật chất từ việc cho sử dụng tác phẩm”. Các đồng tác giả khác không nắm giữ các quyền này. Kể từ khi ban hành Bộ luật Dân sự năm 1995 trở về sau, thuật ngữ này không được ghi nhận trong pháp luật về quyền tác giả. Riêng trong lĩnh vực xuất bản, thuật ngữ này vẫn còn được ghi nhận, nhưng nó không có ý nghĩa nhằm để phân định các quyền của các đồng tác giả trong một tác phẩm nêu nhìn nhận dưới góc độ pháp luật SHTT.

Như vậy, khi xem xét tư cách đồng tác giả, Luật SHTT hiện hành không có quy định nào phân loại họ thành đồng tác giả “chủ biên” và đồng tác giả “không chủ biên”. Nói cách khác, một cách mặc định, các đồng tác giả sẽ được hưởng các loại quyền giống nhau, bất kể vai trò của họ như thế nào trong việc tạo ra tác phẩm. Nếu các đồng tác giả muốn phân định các quyền, theo kiểu chọn một người trong số đó giữ nhiều quyền hơn hoặc sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ việc khai thác tác phẩm chung, việc phân định này phải được thực hiện qua thỏa thuận của tất cả các đồng tác giả.

Tương tự, khi xem xét tư cách đồng tác giả, Luật SHTT hiện hành cũng không có quy định nào cho thấy đồng tác giả đứng tên trước sẽ có nhiều quyền hơn đồng tác giả đứng tên sau. Với cách phân tích

như ở phần trước, bất kể vai trò của họ như thế nào trong việc tạo ra tác phẩm, bất kể tên của họ được đặt trước hay sau, các đồng tác giả đều hưởng các loại quyền giống nhau, trừ khi giữa họ có thỏa thuận khác.

Tóm lại, việc ghi nhận một đồng tác giả là “chủ biên” hoặc sắp xếp thứ tự tên các đồng tác giả khi công bố, sử dụng tác phẩm không có ý nghĩa nào trong việc xác định nội dung các quyền tác giả mà mỗi người được hưởng, đứng dưới góc độ pháp luật về bản quyền. Ý nghĩa của các ghi nhận đó có thể tùy thuộc vào các thông lệ trong nghiên cứu khoa học hoặc thực tiễn cuộc sống, chúng nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của bài viết này.

2.4. Các vấn đề liên quan đến xin phép sử dụng, giấy phép và các thỏa thuận về quyền sử dụng tác phẩm

2.4.1. Nguyên tắc chung

Khoản 2 Điều 20 Luật SHTT quy định rằng, đối với các quyền tài sản thì tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có độc quyền thực hiện hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện, khai thác. Đây có thể xem là nguyên tắc cơ bản nhất của pháp luật về bản quyền.

Luật này cũng xác định các nguyên tắc khác như sau:

– Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả và trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Tuy nhiên, nguyên tắc trên sẽ không được áp dụng trong một số trường hợp ngoại lệ được pháp luật quy định. Ví dụ: Luật SHTT quy định các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm bao gồm hành vi “Tự sao chép một bản để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại” và “Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại” (điểm a, b Khoản 1 Điều 25 Luật SHTT). Như vậy, nếu sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu trong các trường đại học sử dụng tác phẩm trong các trường hợp kể trên sẽ không phải xin phép, trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

– Trong trường hợp làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến “quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm”,

người làm tác phẩm phái sinh phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

Nếu không xét đến các ngoại lệ, thì liên quan đến việc khai thác, sử dụng tác phẩm của sinh viên tạo ra trong nhà trường, điều quan trọng trước tiên là cần xác định các quyền muốn khai thác là quyền gì, thuộc về ai.

Nếu quyền muốn khai thác là (các) quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm, thì người khai thác phải xin phép chủ sở hữu quyền tác giả. Nếu quyền muốn khai thác là quyền làm tác phẩm phái sinh, thì bên cạnh việc xin phép chủ sở hữu, người đó còn phải xin phép tác giả.

Như đã phân tích ở các phần trước, trong từng trường hợp cụ thể, sinh viên luôn là tác giả của tác phẩm mình tạo ra, tuy nhiên, vai trò chủ sở hữu có thể thuộc về sinh viên hoặc thuộc về nhà trường, hoặc thuộc về các chủ thể khác. Do đó, nếu muốn khai thác, sử dụng một quyền nào đó, người khai thác, sử dụng phải xác định được quyền đó đang thuộc về ai, từ đó, tiến hành thủ tục xin phép, trả tiền theo quy định.

Ví dụ: một trường đại học muốn sử dụng một tác phẩm được tạo ra bởi sinh viên. Được biết, tác phẩm này tuy được tạo ra bởi sinh viên đó trong quá trình theo học tại trường nhưng nó không phải là một nhiệm vụ học tập và giữa trường đại học với sinh viên đó không có thỏa thuận nào về việc tạo ra tác phẩm đó. Như vậy, sinh viên nói trên sẽ là tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm mà mình tạo ra. Nếu nhà trường muốn khai thác, sử dụng tác phẩm đó thì phải xin phép, trả tiền cho sinh viên theo quy định của pháp luật trừ khi hành vi sử dụng rơi vào các ngoại lệ mà luật cho phép.

2.4.2. “Xin phép sử dụng” quyền tác giả khi trường đại học muốn khai thác, sử dụng tác phẩm do sinh viên tạo ra

Trước hết, nếu xác định chủ sở hữu quyền tác giả thuộc về nhà trường, thì trường không cần phải thực hiện việc xin phép, trả tiền, trừ trường hợp muốn tạo ra tác phẩm phái sinh thì phải xin phép tác giả, tức sinh viên đã tạo ra tác phẩm và được sự đồng ý bằng văn bản. Ngoài ra, đối với các trường hợp ngoại lệ được Luật SHTT cho phép tự do sử dụng (ví dụ, theo quy định tại Điều 25) thì việc sử dụng của nhà trường đối với các tác phẩm do sinh viên (hay các chủ thể khác) tạo ra cũng không phải xin phép, trả tiền.

Như vậy, vấn đề “xin phép sử dụng” sẽ trở nên phức tạp nếu chủ sở hữu quyền tác giả là sinh viên hoặc một chủ thể ngoài trường. Liên quan đến vấn đề này, tuy các quy định của pháp luật hiện hành là khá rời rạc, nhưng chúng ta có thể khái quát thành một số trường hợp sau:

– **Trường hợp 1 – “Sự cho phép mặc định theo luật”.** Đây thực chất là các ngoại lệ của quyền tác giả, thể hiện thành các trường hợp “tự do sử dụng tác phẩm” hoặc không cần xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền. Trong các trường hợp này, tổ chức, cá nhân khai thác quyền tác giả không cần phải xin phép tác giả, chủ sở hữu bởi vì pháp luật cho phép tiến hành các hành vi khai thác trong một số trường hợp đặc biệt sẽ không phải làm thủ tục này (Wyburn & MacPhail, 2006). Cần lưu ý việc sử dụng quyền tác giả với “Sự cho phép mặc định theo luật” có thể có hoặc không có trả tiền bản quyền. Vấn đề này được quy định chi tiết tại Điều 25, 25a và 26 của Luật SHTT. Ví dụ, nếu trường muốn khai thác, sử dụng tác phẩm của sinh viên trong trường hợp “không cần xin phép, trả tiền” thì cần phải chắc chắn rằng hành vi sử dụng thuộc phạm vi các “quyền tự do sử dụng tác phẩm”, vì mục đích phi thương mại, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, không gây phương hại đến quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tuy nhiên, người sử dụng phải cung cấp thông tin về tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm (Uyên & Tuấn, 2022). Đây thực chất là sự cụ thể hóa nguyên tắc “cân bằng lợi ích” giữa chủ sở hữu quyền tác giả và lợi ích của xã hội, công chúng (Yến & Hùng, 2022), được ghi nhận tại Khoản 1 Điều 8 Luật SHTT.

– **Trường hợp 2 – “Giấy phép chủ động”.** Trong kiểu giấy phép này, chủ sở hữu quyền tác giả không xác định ai sẽ là người sử dụng quyền của mình mà thiết lập sẵn một sự cho phép ngay từ đầu. Ví dụ: Trong một tác phẩm viết, ở một số trang nhất định có ghi chú: “phần này có thể được sao chép vì mục đích học tập”. Như vậy, không có thỏa thuận nào từ trước giữa bên cấp phép và bên sử dụng, nói cách khác, việc cấp phép trong trường hợp này là đơn phương từ phía người có quyền. Nếu trường muốn khai thác, sử dụng tác phẩm của sinh viên trong trường hợp này thì cũng không cần tiến hành thủ tục xin phép, miễn đáp ứng được các yếu tố về mặt phạm vi, đối tượng và các yêu cầu khác (nếu có) mà nội dung của “giấy phép chủ động” đã thiết lập. Ví dụ, khi hoàn thành luận văn và nộp cho trường, sinh viên có thể kí vào một tuyên bố bản quyền đối với luận văn của mình, đồng thời, trong đó có nêu rõ luận văn sẽ được trường tự do sử dụng trong một số trường hợp, như là cho các mục đích học thuật,

nghiên cứu khoa học, phi thương mại (Obogu, 2006).

– **Trường hợp 3 – “Giấy phép nửa chủ động”.** Trong kiểu giấy phép này, người cấp phép cho phép bên sử dụng tác phẩm bởi vì họ bị ràng buộc về nghĩa vụ với bên thứ ba. Ví dụ, sinh viên A đang theo học tại trường X. Theo “Quy chế về sở hữu trí tuệ” của trường, luận văn tốt nghiệp của sinh viên A sẽ được phân định quyền tác giả như sau: sinh viên A bảo lưu tư cách “tác giả”, trường X giữ quyền của “chủ sở hữu” với điều kiện X phải cam kết với A cho phép các sinh viên khác của trường được tự do khai thác luận văn của A vì mục đích học tập, nghiên cứu khoa học và không được phép thương mại hóa luận văn đó. Như vậy, tuy X là chủ sở hữu quyền tác giả nhưng phải cho phép người khác sử dụng quyền của mình do đã có sự ràng buộc về nghĩa vụ đó với tác giả sáng tạo ban đầu để được người đó chuyển nhượng quyền tác giả. Cần lưu ý là việc phân định quyền sở hữu trong “Quy chế về sở hữu trí tuệ” cần phải cân nhắc đến tác động của nó đến việc khuyến khích sinh viên sáng tạo, khởi nghiệp với các sản phẩm của mình bởi nếu quá nghiêng về nhà trường hoặc cho phép quá nhiều tự do sử dụng, động lực sáng tạo của sinh viên có thể sẽ giảm sút vì họ không hưởng lợi được nhiều từ tác phẩm của mình (Rooksby, 2016).

– **Trường hợp 4 – “Giấy phép thụ động”.** Trong trường hợp này, người muốn khai thác quyền sẽ liên hệ với người giữ quyền và xin phép được khai thác, sử dụng một, một số quyền nào đó của quyền tác giả. Quá trình cấp phép sẽ diễn ra theo hướng người giữ quyền sẽ thể hiện sự đồng ý, có khi kèm theo các yêu cầu trả tiền bản quyền. Việc đồng ý có thể được thể hiện qua hợp đồng giữa các bên, trong đó, nội dung hợp đồng thường phải xác định các vấn đề liên quan đến số tiền bản quyền phải trả, phạm vi, mức độ sử dụng và các quyền được phép khai thác, sử dụng cũng như các trách nhiệm khác do vi phạm hợp đồng. Tóm lại, nếu trường muốn khai thác, sử dụng tác phẩm của sinh viên trong trường hợp này thì phải tiến hành thủ tục xin phép, trả tiền theo quy định.

Như vậy, trong các trường hợp trên, tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể mà trường đại học có các tư cách, trách nhiệm khác nhau. Tương ứng, để khai thác, sử dụng quyền tác giả của các tác phẩm do sinh viên tạo ra, trường đại học có thể phải tiến hành các thủ tục xin phép, trả tiền bản quyền hoặc không phải tiến hành các thủ tục đó, miễn là việc khai thác nằm trong các dự liệu được pháp luật quy định.

3. KẾT LUẬN

Việc xác định các tư cách “tác giả”, “chủ sở hữu quyền tác giả” liên quan đến tác phẩm được tạo ra bởi sinh viên của trường đại học có thể được thực hiện dựa trên các phương án mặc định mà Luật SHTT đưa ra; tuy nhiên, các phương án này hoàn toàn có thể bị phá vỡ nếu như có thỏa thuận khác giữa sinh viên, nhà trường và các bên liên quan khác. Trong một số trường hợp đặc biệt, có thể phát sinh các tư cách như “đồng tác giả”, “đồng chủ sở hữu” hoặc “chủ biên”. Đối với các trường hợp này, các chủ thể nắm giữ các tư cách đó có thể cùng nhau khai thác các quyền của mình hoặc có thể độc lập

khai thác phần mình đóng góp, nếu luật pháp cho phép hoặc có thỏa thuận, hoặc có thể hưởng được các quyền nhiều hơn hoặc ít hơn các chủ thể khác, miễn là có thỏa thuận từ trước. Cuối cùng, liên quan đến quá trình xin phép, sử dụng quyền tác giả, nguyên tắc chung đó là tổ chức, cá nhân khi khai thác các quyền tác giả mang tính chất tài sản phải xin phép, trả tiền cho người nắm giữ quyền, tuy nhiên, việc xin phép, trả tiền có thể không bắt buộc trong một số trường hợp, và việc cấp phép/cho phép sử dụng quyền tác giả có thể được thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau bởi người nắm giữ quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ. (2023). Nghị định 17/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 4 năm 2023 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.
- Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. (2019). Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ của Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hà, L. T. T. (2018). Ai là chủ sở hữu quyền tác giả đối với học liệu? Dân chủ và Pháp luật. Bộ Tư pháp, Số 1/2018, 48 - 51.
- Hương, L. T. (2021). Tác phẩm tốt nghiệp của sinh viên – ai giữ bản quyền? Kinh tế Sài Gòn Online. <https://thesaigontimes.vn/tac-pham-tot-nghiep-cua-sinh-vien-ai-giu-ban-quyen/>
- Luận, N. T. (2019). Luật Sở hữu trí tuệ – Bất cập và hướng hoàn thiện. Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử. <https://tapchitoaan.vn/luat-so-huu-tri-tue-bat-cap-va-huong-hoan-thien>
- Obogu, F. (2006). Copyright and thesis in Africa.
- Quốc hội. (2005). Luật số 50/2005/QH11 (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005)
- Quốc hội. (2009). Luật số 36/2009/QH12 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009)
- Quốc hội. (2015). Luật số 91/2015/QH13 (Bộ luật Dân sự năm 2015)
- Quốc hội. (2019). Luật số 42/2019/QH14 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019)
- Quốc hội. (2022). Luật số 07/2022/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022)
- Rooksby, J. H. (2016). A fresh look at copyright on campus. *Mo. L. Rev.*, 81, 769.
- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. (2020). Quyết định ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản trí tuệ của Trường.
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (1994). Lệnh Số 38-L/CTN công bố Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả (Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả năm 1994)
- Uyên, Đ. N. P., & Tuấn, L. H. V. (2022). Quyền sử dụng tự do quyền tác giả trong môi trường giáo dục số. *Nghiên cứu Lập pháp*, 09(457), tháng 05/2022, 32-38.
- Wyburn, M., & MacPhail, J. (2006). The intersection of copyright and plagiarism and the monitoring of student work by educational institutions. *Australia and New Zealand Journal of Law and Education*, 11(2), 73-92.
- Yến, B., & Hùng, M. (2022). Quy định về quyền tác giả và quyền liên quan trong Luật Sở hữu trí tuệ - Tìm điểm cân bằng lợi ích các bên. *Quốc hội Việt Nam*. <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhophquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=62055&CategoryId=0>